

# PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

## CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC

### 1. Nguồn gốc nhà nước

#### 1.1. Các quan điểm giải thích nguồn gốc NN

#### 1.2. Sự ra đời của nhà nước

### 2. Khái niệm, bản chất, đặc trưng của Nhà nước

#### 2.1. Khái niệm

#### 2.2. Bản chất

#### 2.3. Đặc điểm: 5

#### 2.4. Chức năng

#### 2.5. Hình thức

#### 2.6. Chế độ chính trị

#### 2.7. Kiểu nhà nước

#### 2.8. Bộ máy nhà nước

## CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

### 1. Nguồn gốc của pháp luật

#### 1.1. Các quan điểm

#### 1.2. Con đường hình thành pháp luật

### 2. Khái niệm, bản chất, thuộc tính, chức năng

#### 2.1. Khái niệm

#### 2.2. Bản chất (2)

#### 2.3. Thuộc tính (3)

#### 2.3. Chức năng (3)

- 2.4. Các mối liên hệ (4)
- 2.5. Kiểu pháp luật (4)
- 2.6. Hình thức của pháp luật
- 2.7. Quy phạm pháp luật
- 2.8. Văn bản pháp luật
- 2.9. Quan hệ pháp luật
- 2.10. Thực hiện pháp luật
- 2.11. Vi phạm pháp luật
- 2.12. Ý thức pháp luật

### CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT THẾ GIỚI

- 1. Hệ thống PL Anh-Mỹ (Common Law)
  - 1.1. Nguồn luật
  - 1.2. Đặc điểm
- 2. Hệ thống PL châu Âu lục địa
  - 2.1. Nguồn luật
  - 2.2. Phân loại pháp luật (Luật công và Luật tư)
- 3. Phân biệt Common Law và Civil Law
- 4. Hệ thống pháp luật Hồi Giáo

### CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

- 1. Hiến pháp
- 2. Ngành luật hành chính
- 3. Ngành luật dân sự
- 4. Ngành luật hình sự
- 5. Ngành luật lao động
- 6. Ngành luật kinh tế
- 7. Lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ

# **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC**

## **1. Nguồn gốc nhà nước**

▼ Mối quan hệ hữu cơ giữa Nhà nước và Pháp luật

1. Quan hệ qua lại: NN chỉ thực hiện quản lý xã hội theo đường lối của mình bằng hệ thống pháp luật. Pháp luật chỉ có ý nghĩa thực sự khi được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế, tổ chức,...

- Quan hệ ràng buộc: Dù PL do NN đề ra nhưng khi được ban hành, PL tác động trở lại đối với NN

## 1.1. Các quan điểm giải thích nguồn gốc NN

### ▼ Thuyết thần quyền

- Thượng đế sắp đặt trật tự xã hội
- Nhà nước do thượng đế tạo ra để bảo vệ trật tự chung
- Quyền lực nhà nước là vĩnh cửu

### ▼ Thuyết tâm lý

- Nhà nước là lực lượng siêu nhiên
- Xuất hiện do nhu cầu về tâm lý của con người nguyên thủy luôn muốn phụ thuộc vào các thủ lĩnh, giáo sĩ,...

### ▼ Thuyết gia trưởng

- NN là kết quả của sự phát triển của gia đình, là hình thức tự nhiên của cuộc sống con người

### ▼ Thuyết bạo lực

- Nhà nước xuất hiện trực tiếp từ việc sử dụng bạo lực
- Thị tộc chiến thắng nô dịch thị tộc thất bại bằng hệ thống cơ bản đặc biệt → Nhà nước

### ▼ Thuyết khế ước xã hội

- NN là sản phẩm của một khế ước được ký kết giữa những người sống trong trạng thái tự nhiên không có NN
- Dựa trên cơ sở mỗi người tự nguyện nhường một phần trong số các quyền tự nhiên vốn có của mình giao cho một tổ chức đặc biệt → Nhà nước
- Nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng
- Bảo vệ kẻ yếu, kiểm soát kẻ mạnh

### ▼ Học thuyết Marx-Lenin

- Nguyên nhân sâu xa (Tiền đề kinh tế): Đời sống xã hội phát triển đến trình độ nhất định, sản phẩm xã hội dư thừa → Chế độ tư hữu
- Nguyên nhân trực tiếp (Tiền đề xã hội): Phân hóa xã hội thành giai cấp → mâu thuẫn giữa các giai cấp trở nên đối kháng → **Nhà nước ra đời khi những đối kháng giai cấp không thể điều hòa được.**

## 1.2. Sự ra đời của nhà nước

### ▼ 3 lần phân công lao động xã hội

1. Ngành chăn nuôi tách khỏi trồng trọt
  2. Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp
  3. Thương mại phát triển, xuất hiện giai cấp không tham gia sản xuất nhưng có quyền lãnh đạo, bắt người sản xuất phụ thuộc vào mình
- Nhà nước

### ▼ 1.3. Các hình thức xuất hiện NN trong lịch sử

#### ● **Nhà nước A Ten**

- Ra đời trực tiếp từ mâu thuẫn giai cấp ngay trong lòng xã hội thị tộc



#### ● **Nhà nước Giec Manh**

- Thành lập sau khi người Giec Manh xâm chiếm vùng lãnh thổ rộng lớn của đế chế La Mã cổ đại



#### ● **Nhà nước Rôma (La Mã cổ đại)**

- Xuất hiện từ sự đấu tranh của thường dân chống lại giới quý tộc của thị tộc La Mã



#### ● **Nhà nước Phương Đông cổ đại**

Thiết lập từ 2 nhu cầu chính là trị thủy và chống ngoại xâm.



## 2. Khái niệm, bản chất, đặc trưng của Nhà nước

## 2.1. Khái niệm

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội.

## 2.2. Bản chất

### ▼ Tính giai cấp

- Chỉ ra đòi và tồn tại trong xã hội có giai cấp
- Do giai cấp thống trị tổ chức nên
- Sinh ra để bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị
- Thông qua NN, giai cấp thống trị:
  - Duy trì quan hệ bóc lột về kinh tế → QL kinh tế → **Quan trọng nhất**
  - Tổ chức, thực hiện quyền lực chính trị → QL chính trị
  - Xây dựng hệ tư tưởng thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội → QL tư tưởng
- Nhà tù: công cụ trấn áp của NN

### ▼ Tính xã hội

- Giải quyết tất cả vấn đề nảy sinh trong xã hội
- Đảm bảo lợi ích chung của xã hội

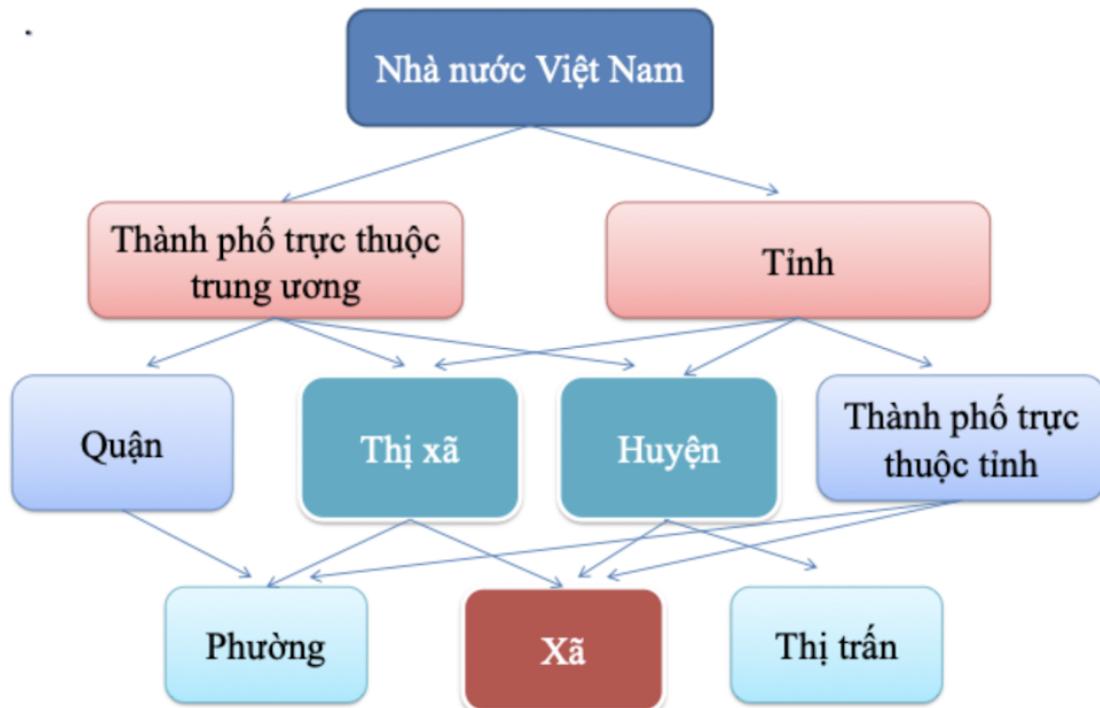
## 2.3. Đặc điểm: 5

### ▼ Thiết lập một quyền lực công cộng đặc biệt, không hòa nhập hoàn toàn với dân cư

Quyền lực xã hội	Quyền lực công cộng đặc biệt
Gắn liền với dân cư	Tách khỏi xã hội, ko hòa nhập hoàn toàn với dân cư
Xuất phát từ xã hội	Xuất phát từ giai cấp thống trị
Phục vụ cho toàn bộ xã hội	Phục vụ cho quyền lợi của giai cấp thống trị
Chủ thể là toàn bộ dân cư	Chủ thể là giai cấp thống trị
Không cần bộ máy cưỡng chế	Được đảm bảo bằng sức mạnh cưỡng chế

▼ Phân chia dân cư theo lãnh thổ, tổ chức thành các đơn vị hành chính - lãnh thổ trong phạm vi biên giới quốc gia

- Lãnh thổ (58 tỉnh + 5 thành phố trực thuộc trung ương) + Dân cư = các yếu tố cấu thành quốc gia



- NN phân chia dân cư theo lãnh thổ thành các *đơn vị hành chính*
- Không phụ thuộc chính kiến, huyết thống, nghề nghiệp... mà theo địa bàn cư trú
- Khác biệt với các tổ chức khác trong xã hội
- Mỗi quan hệ giữa người dân - NN: **chế định quốc tịch**

▼ Là tổ chức quyền lực mang chủ quyền quốc gia

- Là duy nhất, không thể chia cắt
- Quyền tối cao về đối nội: hiệu lực trên toàn lãnh thổ, mọi dân cư; không tổ chức quyền lực xã hội nào có được
- Độc lập về đối ngoại: tự quyết; không phụ thuộc yếu tố bên ngoài

- Biên giới: Trên bộ; trên không; trên biển

▼ Ban hành pháp luật, bảo đảm thực hiện pháp luật bằng tất cả sức mạnh của mình, đặc biệt là sức mạnh cưỡng chế

- Tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật, áp dụng pháp luật → Quản lý xã hội
- Tôn trọng pháp luật
- Pháp luật có tính *bắt buộc chung*, được NN đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế

▼ Quy định và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc

- Là nguồn thu chủ yếu của nhà nước
- Mục đích: Nuôi dưỡng bộ máy NN
- Chỉ nhà nước mới có quyền quy định và thu thuế

## 2.4. Chức năng

▼ Chức năng

- Đối nội: bảo đảm trật tự an toàn, trấn áp phần tử chống đối, quản lý các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội,...
- Đối ngoại: phòng thủ đất nước, thiết lập mối giao bang với các quốc gia khác,...
- Nhà nước CHXHCN VN: Kinh tế, xã hội, đối ngoại

▼ Hình thức thể hiện chức năng

- Văn bản quy phạm pháp luật: Chính phủ → Ủy ban → Quốc hội
- Thực hiện PL:
  - Nhân dân: sử dụng, tuân thủ, thi hành PL
  - Cơ quan NN, người có thẩm quyền: tổ chức, giám sát thực hiện
- Bảo vệ PL: Tòa án: Xét xử

## 2.5. Hình thức

Hình thức nhà nước = Cách tổ chức quyền lực + Phương pháp thực hiện quyền lực

#### ▼ Hình thức chính thể

Phản ánh cách thức thành lập và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước; thái độ cơ quan với nhân dân

- Chính thể quân chủ: thừa kế
  - Quân chủ tuyệt đối: quyền lực trong tay người đứng đầu
  - Quân chủ hạn chế (lập hiến): đứng đầu + cơ quan cao cấp
- Chính thể cộng hòa: bầu cử
  - Cộng hòa quý tộc: giới quý tộc bầu
  - Cộng hòa dân chủ: người dân bầu

#### ▼ Hình thức cấu trúc

Cấu tạo thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành NN với nhau, giữa các cơ quan NN ở trung ương với ở địa phương

- NN đơn nhất
- NN liên bang

### 2.6. Chế độ chính trị

Là tổng thể các phương pháp, cách thức, phương tiện mà cơ quan NN sử dụng để thực hiện quyền lực NN

#### ▼ Phương pháp dân chủ

- Đảm bảo địa vị làm chủ của nhân dân với quyền lực của NN
- Quyền trong việc: hình thành bộ máy NN, tham gia hoạt động của NN, kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy NN
- Chế độ dân chủ: Dân chủ quý tộc, dân chủ tư sản, dân chủ XHCN,...

#### ▼ Phản dân chủ

- KHÔNG đảm bảo được quyền tự do của công dân, nguyên tắc NN thuộc về nhân dân.
- Chế độ phản dân chủ (độc tài chuyên chế chủ nô, độc tài chuyên chế phong kiến,...)

## 2.7. Kiểu nhà nước

- Tổng thể các dấu hiệu cơ bản đặc thù của NN
- Thể hiện bản chất, những điều kiện tồn tại và phát triển của NN trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định
- Chủ nô → Phong kiến → Tư sản → XHCN

## 2.8. Bộ máy nhà nước

### ▼ Khái niệm

- Là hệ thống các cơ quan NN từ trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung, thống nhất
- Nhằm thực hiện những nhiệm vụ và chức năng của NN, vì lợi ích của giai cấp thống trị.

### ▼ Đặc điểm

- Công cụ chuyên chính của giai cấp thống trị về kinh tế, chính trị, tư tưởng trong xã hội, bảo vệ lợi ích giai cấp cầm quyền
- Nắm đồng thời **3 loại quyền lực:** Kinh tế, chính trị, tinh thần
- Sử dụng PL để quản lý xã hội trên cơ sở các hình thức: Xây dựng PL, tổ chức thực hiện và bảo vệ PL
- Áp dụng phương pháp **quản lý xã hội:** thuyết phục, cưỡng chế để quản lý xã hội

### ▼ Nhà nước VN

- Cơ quan quyền lực NN
- Cơ quan hành chính NN
- Cơ quan tư pháp
- Nguyên thủ QG (đứng đầu)

### ▼ Quốc hội

- Dân bầu
- Cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân

- Cơ quan quyền lực NN cao nhất
- Nhiệm kỳ: 5 năm
- Chức năng:
  - Lập hiến, lập pháp
  - Quyết định những vấn đề quan trọng *nhất* của QG
  - Giám sát tối cao

▼ Chủ tịch nước

- Nguyên thủ QG, đứng đầu
- Đại diện về đối nội, đối ngoại
- Bầu trong số đại biểu QH

▼ Chính phủ

- Cơ quan chấp hành của QH
- Cơ quan hành chính NN cao nhất

▼ Tòa án

- Cơ quan xét xử
- Tòa án ND tối cao, TAND các cấp

▼ Viện kiểm sát

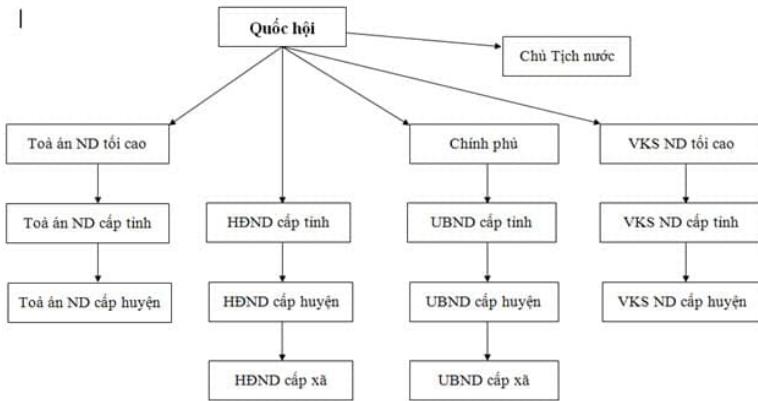
- Cơ quan công tố
- Chức năng:
  - Công tố
  - Giám sát tư pháp

▼ HĐND

- Cơ quan quyền lực địa phương, QH quản lý
- Dân bầu
- Tỉnh, huyện, xã

▼ UBND

- Cơ quan hành chính địa phương
- Chính phủ quản lý



## CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

### 1. Nguồn gốc của pháp luật

#### 1.1. Các quan điểm

##### ▼ Quan điểm phi Mac-xit

- Duy tâm: Pháp luật là sản phẩm của thượng đế
- Luật tự nhiên: Có xã hội → Có pháp luật

##### ▼ Quan điểm Marx-Lenin

- Pháp luật ra đời và tồn tại gắn liền với nhà nước và xã hội có giai cấp
- Là sản phẩm của sự phát triển xã hội:
  - Khách quan (nhu cầu của xã hội)
  - Chủ quan (phụ thuộc ý chí nhà nước)
- Vai trò: Điều chỉnh các quan hệ xã hội

## 1.2. Con đường hình thành pháp luật

### ▼ Tập quán pháp (phong tục tập quán)

- Những quy tắc xử sự do con người đặt ra nhằm điều chỉnh hành vi
  - Được truyền từ đời này sang đời khác
  - Trở thành những xử sự quen thuộc được nhà nước thừa nhận là pháp luật
- Con đường đầu tiên hình thành pháp luật; là nguồn bổ trợ pháp luật của Việt Nam

### ▼ Tiền lệ pháp (án lệ)

- Những quyết định hành chính/bản án của tòa án, đã có hiệu lực pháp luật
- Trở thành khuôn mẫu giải quyết những vụ việc tương tự.
  - Tiền lệ hành chính (*nhiều hơn*)
  - Tiền lệ tư pháp

### ▼ Văn bản pháp luật

- Là những quyết định do cơ bản nhà nước có thẩm quyền ban hành
  - Được thể hiện dưới hình thức văn bản theo những trình tự, thủ tục nhất định
  - Nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính bắt buộc chung
  - Được nhà nước đảm bảo thực hiện
- Văn bản pháp luật là nguồn chủ yếu và chính thống của pháp luật Việt Nam.

## 2. Khái niệm, bản chất, thuộc tính, chức năng

### 2.1. Khái niệm

- Là hệ thống các quy tắc xử sự chung
- Nhà nước đặt ra/thừa nhận
- Nhà nước đảm bảo thực hiện
- Nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, hướng các quan hệ xã hội phát triển theo ý chí nhà nước

## 2.2. Bản chất (2)

### ▼ Bản chất giai cấp

- Phản ánh ý chí của giai cấp thống trị
- Được quy định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp thống trị
- Nâng ý chí của giai cấp thành ý chí nhà nước
- Cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật
- Thể hiện khác nhau trong các kiểu pháp luật khác nhau

### ▼ Bản chất xã hội

- Công cụ ghi nhận, bảo vệ lợi ích của các giai cấp, tầng lớp khác
- “Nhà nước hóa” những nhu cầu, đòi hỏi mang tính khái quan của các quan hệ xã hội cơ bản
- Công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội, hành vi của con người
- *Quy phạm pháp luật* là sự ghi nhận cách xử sự hợp lý, được đa số cá nhân trong xã hội thừa nhận, phù hợp với số đông

## 2.3. Thuộc tính (3)

Là những dấu hiệu phân biệt với các hiện tượng xã hội khác (tôn giáo, đạo đức,...)

### ▼ Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

- Nội dung được thể hiện bằng hình thức nhất định, ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác
- Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận
- Là điều kiện phân biệt giữa pháp luật và các quy định khác

### ▼ Tính quy phạm phổ biến, bắt buộc chung

- Thuộc tính, khuôn mẫu, mô hình xử sự chung được xã hội thừa nhận
- Được áp dụng nhiều lần, chỉ điều chỉnh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi
- Khái quát hóa rất nhiều những trường hợp có tính phổ biến trong xã hội

- Mọi cá nhân, tổ chức đều chịu sự chi phối của pháp luật, không có ngoại lệ

▼ Được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng cưỡng chế

- Sử dụng sức mạnh nhà nước
- Gồm có:
  - Cưỡng chế mang tính trừng phạt
  - Cưỡng chế không mang tính trừng phạt

### 2.3. Chức năng (3)

Thể hiện bản chất, điều kiện tồn tại thực tế, và giá trị xã hội của pháp luật

▼ Chức năng điều chỉnh

- Quan hệ xã hội phát triển theo chiều hướng nhất định
- Trật tự hóa các quan hệ xã hội
- Tác động đến hành vi con người

▼ Chức năng bảo vệ

- Bảo đảm trật tự hệ thống các quan hệ xã hội
- Quy định những phương tiện nhằm bảo vệ các quan hệ xã hội

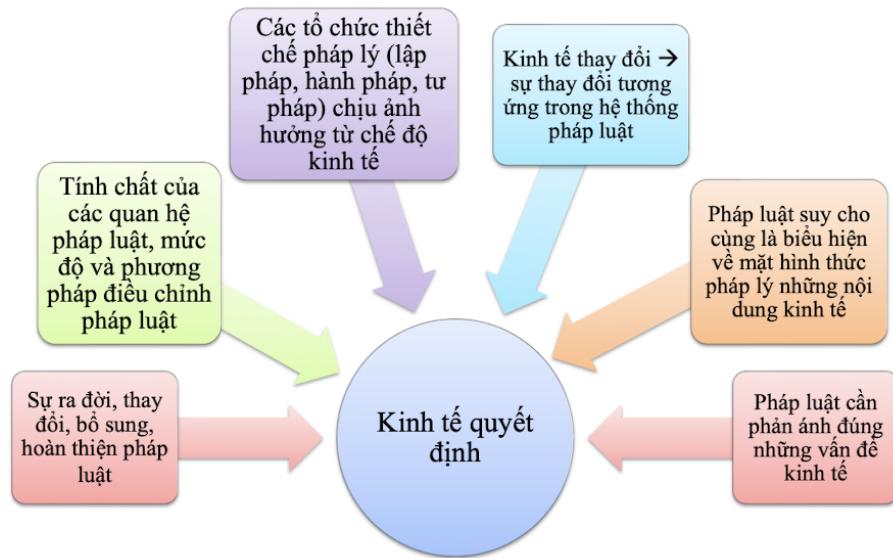
▼ Chức năng giáo dục

- Tác động ý thức, tâm lý con người
- Hình thành tư duy pháp lý, nhận sinh quan pháp lý phù hợp yêu cầu pháp luật

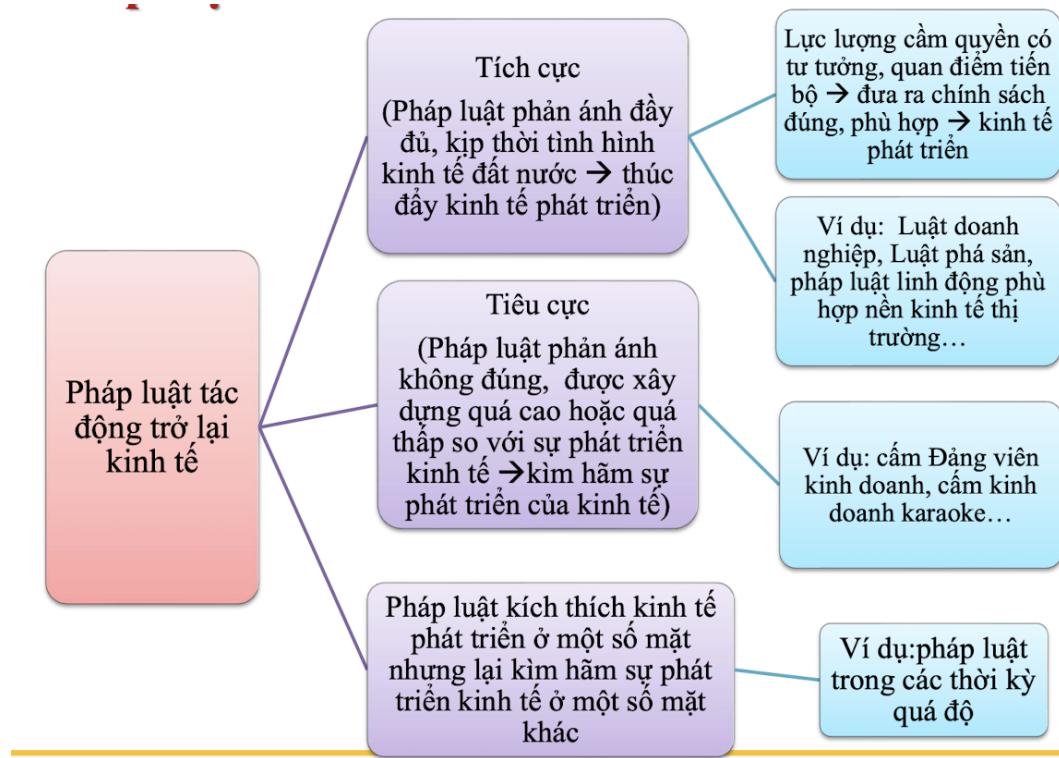
### 2.4. Các mối liên hệ (4)

▼ Pháp luật - Kinh tế

Kinh tế ảnh hưởng pháp luật:



### Pháp luật ảnh hưởng kinh tế:



### ▼ Pháp luật - Đạo đức

Tiêu chí	Đạo đức	Pháp luật
Về nguồn gốc	Đạo đức xuất hiện trước pháp luật, là những quy tắc hành vi tồn tại tự nhiên trong đời sống xã hội trên cơ sở mối quan hệ giữa người với người.	Pháp luật xuất hiện muộn hơn, là những quy tắc xử sự do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận để điều chỉnh các quan hệ xã hội.
Về xu hướng vận động	Luôn có sự đánh giá, sàng lọc, tẩy chay của dư luận xã hội	Luôn luôn được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp
Về phạm vi điều chỉnh	Phạm vi điều chỉnh rộng hơn. Điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trên cơ sở tình cảm, luân lý xã hội	Điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản, quan trọng, mang ý nghĩa quốc gia.
Về hình thức, mức độ thể hiện	- Thường được thể hiện qua ca dao, tục ngữ, thông qua cảm xúc, quan niệm, chuẩn mực là cái tâm ở đời  -- Không thể cân đo đong đếm được, mỗi người có thể có một quan niệm khác nhau về đạo đức.	Được quy định bằng điều tiết, chủ yếu thể hiện trong các điều luật, các quy phạm rõ ràng thể hiện quy tắc xử sự mà nhà nước đặt ra yêu cầu mọi người phải tuân theo.  - Luôn được thể hiện một cách rõ ràng, chính xác, đảm bảo 3 thuộc tính cơ bản
Phương pháp bảo đảm thực hiện	Kích thích nội tâm, dựa vào sức mạnh của dư luận xã hội, trên cơ sở các điều cấm kỵ, các lễ nghi tôn giáo nguyên thủy.	Các biện pháp cưỡng chế của nhà nước, căn cứ vào thời hạn, thời hiệu, các chế tài, mức độ vi phạm...

## ▼ Pháp luật - Nhà nước

- Quan hệ biện chứng, tác động và phụ thuộc lẫn nhau, nhưng vẫn đảm bảo tính độc lập tương đối
- Là 2 yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng, cùng nguyên nhân và tiên đề xã hội để hình thành, vận động, phát triển
- Bản chất pháp luật phản ánh bản chất của Nhà nước đặt ra nó
- Nhà nước ban hành nhưng phải tôn trọng pháp luật
- Hoàn thiện bộ máy nhà nước phải song song với hoàn thiện pháp luật
- Pháp luật là công cụ sắc bén nhất trong quản lý xã hội của nhà nước

## ▼ Pháp luật - Các quy phạm xã hội khác

Pháp luật - Phong tục tập quán:

- PL tiến bộ → ảnh hưởng tích cực PT, TQ
- PT, TQ lạc hậu → PL điều chỉnh
- PT, TQ tiến bộ → PL thừa nhận

Pháp luật - Quy phạm của các tổ chức xã hội

- Quy phạm các tổ chức xã hội chỉ điều chỉnh quan hệ xã hội xã hội trong nội bộ

- Không trái với pháp luật

## 2.5. Kiểu pháp luật (4)

- Là tổng thể các dấu hiệu cơ bản, thể hiện bản chất giai cấp, vai trò xã hội, những điều kiện phát sinh, tồn tại và phát triển của pháp luật trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định
- Sự thay thế của các kiểu pháp luật:
  - Thể hiện quá trình tiến hóa của xã hội
  - Thực hiện: cách mạng
  - Mang tính kế thừa kiểu PL cũ

Pháp luật chủ nô	Pháp luật phong kiến
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Công khai bảo vệ, củng cố quyền tư hữu chủ nô</li> <li>• Bảo vệ ách thống trị về CT, tư tưởng của giai cấp chủ nô</li> <li>• Quy định, củng cố tình trạng bất bình đẳng trong XH, người gia trưởng</li> <li>• Hình thức mang nặng dấu ấn của QPXH của chế độ CSNT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bảo vệ chế độ tư hữu của giai cấp phong kiến</li> <li>• Bảo vệ chế độ đẳng cấp và đặc quyền của giai cấp phong kiến</li> <li>• Hợp thức hóa bạo lực và sự chuyên quyền tùy tiện của GCPK</li> <li>• Quy định những hình phạt rất tàn bạo</li> <li>• Chịu ảnh hưởng lớn của tôn giáo, đạo đức</li> <li>• Hình thức tần mạn, không thống nhất</li> </ul>

Pháp luật tư sản	Pháp luật Việt Nam XHCN
<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo vệ chế độ tư hữu tư sản</li> <li>Lần đầu tiên xuất hiện khái niệm “công dân”, quy định các quyền tự do dân chủ</li> <li>Tuyên bố nguyên tắc tự do hợp đồng</li> <li>Nguyên tắc pháp chế lần đầu tiên được thể hiện</li> <li>Văn bản pháp luật tư sản rất phát triển cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mang tính nhân dân sâu sắc</li> <li>Tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần</li> <li>Tính cưỡng chế mang nội dung mới</li> <li>Quan hệ mật thiết với các QPXB khác</li> <li>Hình thức: PLVN phân chia thành các ngành luật, VBQPPL là nguồn chủ đạo</li> </ul>

## 2.6. Hình thức của pháp luật

- Chỉ ranh giới tồn tại của pháp luật trong hệ thống các QPXB
- Là hình thức biểu hiện bên ngoài của PL
- Là phương thức tồn tại, dạng tồn tại thực tế của PL

▼ Bên trong (nội tại)

- Các yếu tố cấu thành hệ thống PL
- Nguyên tắc PL + Cấu trúc PL

▼ Bên ngoài (nguồn pháp luật)

- Biểu hiện bên ngoài, dạng tồn tại thực tế
- Tập quán pháp + Tiền lệ pháp + Văn bản pháp luật (+ quy phạm tôn giáo, học thuyết, tư tưởng, quan điểm PL)

▼ Cấu trúc PL

- Hệ thống PL: cấu thành từ các văn bản quy phạm pháp luật (*về cấu trúc bên trong: còn có chế định PL và ngành luật*)
- Ngành luật:
  - Hệ thống các quy phạm pháp luật, điều chỉnh QHXB trong một lĩnh vực nhất định
  - Luật nội dung + luật hình thức

- Chế định pháp luật:
  - Hệ thống các quy phạm pháp luật, điều chỉnh QHXH có mối liên hệ mật thiết với nhau, trong cùng một ngành luật
  - VD: Luật hình sự → Chế định: hình phạt, tội xâm phạm an ninh quốc gia,...
- Quy phạm PL: là quy tắc xử sự có tính khuôn mẫu, mọi chủ thể phải tuân thủ

## 2.7. Quy phạm pháp luật

### ▼ Đặc điểm

- Thể hiện ý chí nhà nước, là mệnh lệnh nhà nước
- Tính phổ biến, bắt buộc chung
- Thể hiện dưới những hình thức nhất định, đảm bảo chặt chẽ về hình thức
- Được nhà nước ban hành, thừa nhận, đảm bảo thực hiện

### ▼ Cấu trúc quy phạm pháp luật

- **Giả định:** môi trường tác động (thời gian, chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh, tình huống thực tế) → Hoàn cảnh áp dụng?
- **Quy định:** Yếu tố trung tâm (*quy tắc xử sự mà chủ thể phải tuân theo khi gặp hoàn cảnh mà nhà làm luật đã dự liệu ở phần giả định*) → Cách xử sự nhà nước yêu cầu?
- **Chế tài:** Hậu quả bất lợi mà chủ thể gánh chịu khi vi phạm PL → Biện pháp xử lý?

### ▼ Phân loại

QP điều chỉnh	QP bảo vệ	QP chuyên môn
<ul style="list-style-type: none"> <li>Quy định quyền, nghĩa vụ của những người tham gia trong các quan hệ xã hội</li> <li>Điều chỉnh các hành vi hợp pháp của con người</li> <li>Gồm: QP bắt buộc, QP cấm đoán, QP cho phép</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Là quy phạm xác định các biện pháp cưỡng chế mang tính nhà nước đối với hành vi vi phạm pháp luật</li> <li>Thể hiện thái độ tiêu cực của nhà nước đối với hành vi vi phạm pháp luật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Là quy phạm mà nội dung của chúng gồm những quy định nhằm bảo vệ hiệu lực của các quy phạm điều chỉnh</li> <li>Gồm: QP định nghĩa, QP tuyên bố, QP xung đột</li> </ul>

## 2.8. Văn bản pháp luật

Là văn bản do cơ quan nhà nước/người có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định.

3 dạng

▼ VBPL chủ đạo

- Cơ quan nhà nước ban hành
- Đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ lớn
- Có tính chính trị pháp lý của quốc gia, địa phương

▼ VB quy phạm pháp luật

- Là hình thức thể hiện các quyết định của PL
- Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành
- Điều chỉnh nhiều QHXB nhất định
- Áp dụng nhiều lần trong thực tiễn
- Phân loại:
  - VB luật: Quốc hội ban hành: Hiến pháp, các bộ luật
  - VB dưới luật: do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

Cơ quan ban hành	Văn bản quy phạm pháp luật
Quốc hội	Hiến pháp, luật, nghị quyết
UBTVQH	Pháp lệnh, nghị quyết
Chủ tịch nước	Lệnh, quyết định
Chính phủ	Nghị định
Thủ tướng chính phủ	Quyết định
Bộ trưởng, thủ trưởng CQNB	Thông tư
Hội đồng thẩm phán TANDTC	Nghị quyết
CA TANDTC, VT VKSNDTC	Thông tư
Tổng kiểm toán nhà nước	Quyết định
Giữa các cơ quan nhà nước	NQLT, TTLT
Hội đồng nhân dân	Nghị quyết
Ủy ban nhân dân	Quyết định, chỉ thị

- Hiệu lực:

- Theo thời gian (*thời điểm phát sinh và chấm dứt*)
- Theo không gian (*giới hạn phạm vi, lãnh thổ có hiệu lực*)
- Theo đối tượng

▼ VBPL cá biệt

- Nhà nước, người có thẩm quyền ban hành
- Giải quyết những việc, trường hợp cụ thể

## 2.9. Quan hệ pháp luật

▼ Khái niệm

Là hình thức pháp lý của các quan hệ xã hội, xuất hiện khi các QHXB được một quy phạm PL tương ứng điều chỉnh, và các chủ thể tham gia vào các QHPL này đều có những quyền và nghĩa vụ pháp lý đã được QPPL đó dự liệu.

So sánh QHPL và QHXB:

Quan hệ xã hội	Quan hệ pháp luật
Luôn tồn tại khách quan	Thuộc phạm trù chủ quan, xuất hiện trên cơ sở ý chí của nhà làm luật
Được nhiều khoa học xã hội khác nhau nghiên cứu	Là đối tượng nghiên cứu của khoa học pháp lý
Là nội dung vật chất của quan hệ pháp luật	Là hình thức pháp lý của quan hệ xã hội, xuất hiện dưới tác động điều chỉnh của các quy phạm pháp luật.
	Có vai trò quan trọng làm trật tự hóa các quan hệ xã hội, hướng nó phát triển phù hợp với ý định của nhà làm luật.

### ▼ Đặc điểm

- Mang tính ý chí
- Chịu sự chi phối của cơ sở kinh tế
- Hình thành trên cơ sở quy phạm pháp luật
- Chủ thể QHPL mang quyền, nghĩa vụ pháp lý mà QPPL dự kiến trước
- Nhà nước đảm bảo thực hiện
- Mang tính xác định cụ thể

### ▼ Cơ cấu

- Chủ thể: Những cá nhân, tổ chức có năng lực chủ thể
  - Phải có đủ năng lực pháp luật năng lực hành vi
- Nội dung: quyền + nghĩa vụ của chủ thể
- Khách thể: là những gì mà QHPL hướng tới và các bên tham gia mong muốn đạt được
  - Nhằm thỏa mãn lợi ích và nhu cầu khi tham gia QHPL

### ▼ Điều kiện phát sinh (3 yếu tố)

- QPPL + Chủ thể + Sự kiện pháp lý
- Sự kiện pháp lý: những sự kiện thực tế làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt QHPL. Phân loại:

- Số lượng: SKPL đơn giản - phức tạp
- Kết quả: SKPL phát sinh - thay đổi - chấm dứt
- Tiêu chuẩn ý chí: Sự biến - hành vi
  - Sự biến: xảy ra không phụ thuộc ý muốn chủ quan của con người
  - Hành vi: thông qua ý chí của con người

## 2.10. Thực hiện pháp luật

### ▼ Khái niệm

Bằng những hành vi cụ thể làm cho pháp luật trở thành hiện thực trong cuộc sống

### ▼ Dấu hiệu

- Hành vi xác định hay xử sự thực tế
- Hành vi hợp pháp
- Hành vi của chủ thể có năng lực hành vi

### ▼ Hình thức (4)

- Tuân thủ PL:
  - Thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm
  - Bằng hành vi thụ động
  - Chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc PL cấm làm
- Chấp hành PL:
  - Thực hiện quy định bằng những hành vi tích cực
- Sử dụng PL:
  - Thực hiện quy định về quyền chủ thể
  - Các chủ thể PL chủ động, tự quyết định thực hiện hay không thực hiện điều mà PL cho phép
- Áp dụng PL:
  - Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền, nhà chức trách

- Tổ chức cho các chủ thể thực hiện quy định pháp luật đầy đủ, nghiêm chỉnh
- Các trường hợp áp dụng pháp luật:
  - Khi quan hệ pháp luật chưa hình thành
  - Khi có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý
  - Khi nhà nước cần kiểm tra hoạt động của các bên tham gia những QHPL quan trọng
  - Khi có vi phạm pháp luật xảy ra, cần áp dụng chế tài
- Đặc điểm:
  - Cơ quan nhà nước có thẩm quyền/cá nhân có thẩm quyền thực hiện
  - Theo thủ tục, trình tự chặt chẽ
  - Mang tính quyền lực nhà nước
  - Mang tính cá biệt, cụ thể
  - Có tính sáng tạo
- Trình tự (slides)
- Hình thức: 2 hình thức (slides)

## **2.11. Vi phạm pháp luật**

### ▼ Khái niệm

- Không thực hiện quy định của PL
- Thực hiện không đúng quy định của PL
- Thực hiện quy định cấm của PL

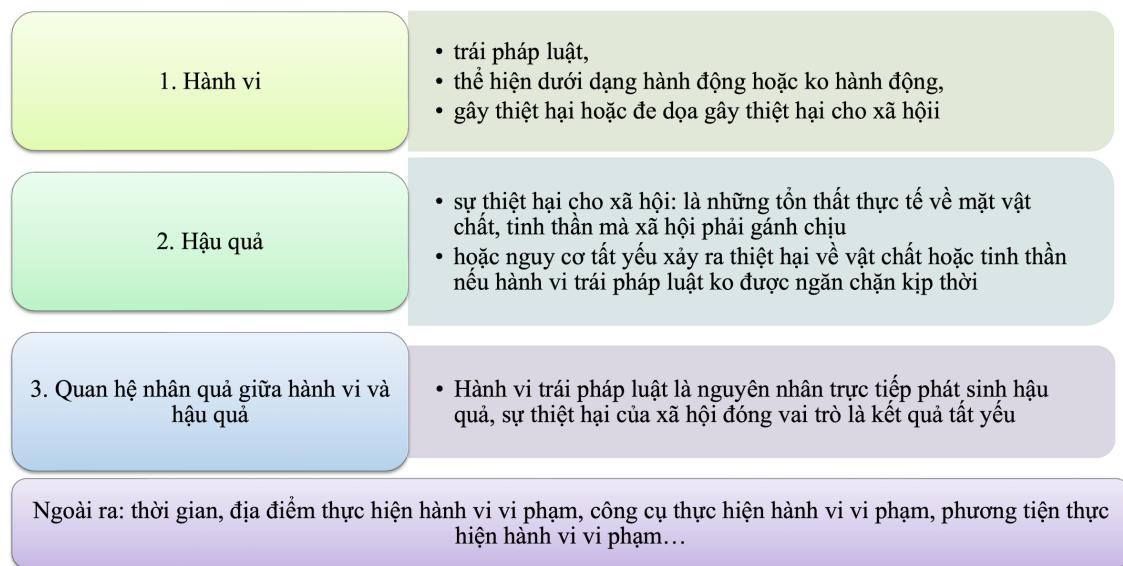
### ▼ Dấu hiệu

- Có lỗi + Trái PL + Chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện + Xâm hại/đe dọa xâm hại đến QHXH được pháp luật bảo vệ

### ▼ Yếu tố cấu thành

## ▼ Mặt khách quan

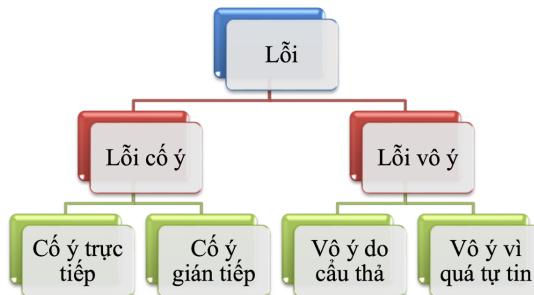
Những biểu hiện ra bên ngoài của VPPL mà con người có thể nhận thức bằng trực quan sinh động



## ▼ Mặt chủ quan

Là trạng thái tâm lý bên trong của chủ thể vi phạm PL

1. **Lỗi:** trạng thái tâm lý phản ánh thái độ tiêu cực của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình và hậu quả do hành vi đó gây ra



2. **Động cơ:** nguyên nhân bên trong thôi thúc chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật
3. **Mục đích:** kết quả cuối cùng mà chủ thể mong muốn đạt được khi thực hiện hành vi vi phạm

## ▼ Chủ thể

Cá nhân + Tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý

- NL trách nhiệm pháp lý: khả năng của chủ thể tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước nhà nước

▼ Khách thể

- Những QHXH được pháp luật bảo vệ, nhưng bị hành vi VPPL xâm hại
- Có thể phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi

▼ Phân loại VPPL

Loại vi phạm	Đối tượng bị vi phạm	Chủ thể	Hậu quả
Vi phạm hình sự (Mức độ nguy hiểm cho xã hội cao)	Độc lập, chủ quyền, tính mạng, sức khỏe tài sản... (được quy định trong Bộ luật hình sự)	Cá nhân	Án tích
Vi phạm hành chính (mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn so với tội phạm)	Quy tắc quản lý nhà nước (quy định trong pháp luật hành chính)	Cá nhân, tổ chức	Ko phải chịu án tích
Vi phạm dân sự	Quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân chủ yếu được quy định trong (Bộ luật dân sự)	Cá nhân, tổ chức	Thường phải bồi thường thiệt hại
Vi phạm kỷ luật	Quy tắc xác lập trật tự trong các tổ chức	Cá nhân trong tổ chức	Chịu các hình thức kỷ luật

▼ Trách nhiệm pháp lý

▼ Khái niệm

- Loại quan hệ pháp luật đặc biệt giữa nhà nước và chủ thể vi phạm PL
- Nhà nước thông qua các chủ thể có thẩm quyền, áp dụng các biện pháp cưỡng chế (quy định ở chế tài của quy phạm PL) đối với chủ thể vi phạm PL.
- Chủ thể có nghĩa vụ chịu hậu quả bất lợi do hành vi VPPL mình gây ra

▼ Đặc điểm

- Chỉ áp dụng khi có VPPL xảy ra
- Văn bản áp dụng PL có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- Mang tính trùng phạt, khôi phục lại quyền lợi và lợi ích bị xâm phạm

- Được áp dụng theo thủ tục, trình tự pháp luật quy định
- Việc áp dụng có mục đích rõ ràng: trừng phạt, giáo dục, răn đe chủ thể vi phạm

▼ Phân loại

Loại TNPL	Đối tượng áp dụng	Chủ thể áp dụng	Hình thức
TN hình sự	Tội phạm	Tòa án	Hình phạt - HP chính: cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất, tử hình, ...
TN hành chính	Cá nhân, tổ chức	Chủ thể có thẩm quyền tiến hành	Xử phạt - XP chính: cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất... - BS: tịch thu tang vật, ptiен dung để thực hiện HVVP, quản chế hành chính, giáo dục tại xã phường...
TN dân sự	Cá nhân, tổ chức	Các bên, tòa án, trọng tài	Bồi thường, đính chính, xin lỗi
TN kỷ luật	Cá nhân trong tổ chức	Đại diện hợp pháp của tổ chức	Khiêm trách, cảnh cáo, cách chức, hạ bậc lương, đình chỉ công tác, thôi việc

## 2.12. Ý thức pháp luật

<đọc lại slide>

# CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT THẾ GIỚI

## Các hệ thống pháp luật trên thế giới (3)

- Civil Law (*Dân luật*)
- Common Law (*thông luật, luật chung, ...*)
- Islamic Law
- Khác

## 1. Hệ thống PL Anh-Mỹ (Common Law)

- Phát triển từ tập quán, coi trọng tiền lệ

- Ra đời ở Anh → Mỹ → thuộc địa

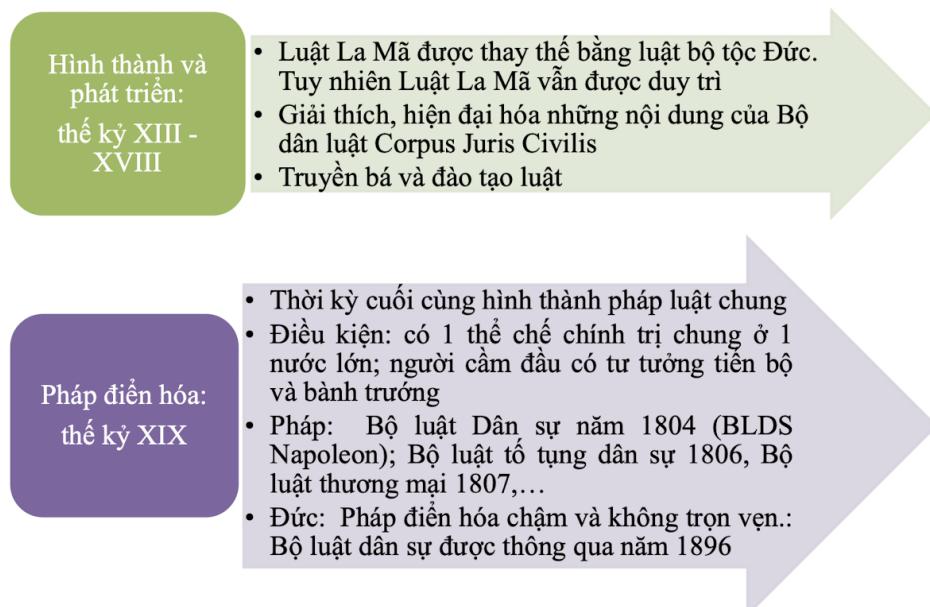
## 1.1. Nguồn luật

- Án lệ (nguồn chính)
- Lẽ phải (nguồn đặc thù)
- Luật thành văn
- Các nguồn khác: *tập quán pháp, học thuyết pháp lý,...*

## 1.2. Đặc điểm

- Hệ thống pháp luật lớn, dựa trên truyền thống hệ thống PL của Anh
- Trên phương diện nguồn luật, án lệ (*Case law*) được tạo bởi **toa án**, phân biệt với đạo luật của Nghị viện
- Trên phương diện hệ thống tòa án: Tòa án và các án lệ của Common Law cũng khác với Tòa án và án lệ của Equity Law.

# 2. Hệ thống PL châu Âu lục địa



## 2.1. Nguồn luật

- Luật thành văn (nguồn chính thức)

- Hiến pháp, Bộ luật và Luật, các văn bản dưới luật.
- Là kết quả của kỹ thuật lập pháp
- Do cơ quan lập pháp ban hành
- Học thuyết pháp lý (nguồn quan trọng nhất, trước khi có Luật thành văn)
  - Toàn bộ công trình nghiên cứu, bài viết liên quan đến luật
- Tập quán pháp
  - Cách xử sự mang ý nghĩa pháp lý
  - Được công nhận tự phát
- Án lệ
  - Bản án, quyết định của tòa án

## 2.2. Phân loại pháp luật (Luật công và Luật tư)

Luật công	Luật tư
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều chỉnh mối quan hệ giữa nhà nước với công dân hoặc giữa các cơ quan nhà nước với nhau trong quá trình thực hiện công quyền, hướng đến lợi ích công</li> <li>• Luật Hiến pháp, Luật hành chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều chỉnh mối quan hệ giữa các tư nhân, hướng đến lợi ích tư</li> <li>• Luật Dân sự, Luật Hôn nhân gia đình, Luật thương mại, Luật lao động,...</li> </ul>



## 3. Phân biệt Common Law và Civil Law

Tiêu chí	Common law	Civil law
Nguồn luật	Chủ yếu là án lệ	Chủ yếu là luật thành văn
Tính chất pháp điển hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan niệm: luật pháp được hình thành từ tục lệ</li> <li>- Cụ thể, phù hợp với sự phát triển các quan hệ xã hội</li> <li>- Khó phân chia</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Quan niệm: luật pháp phải từ các chế định cụ thể</li> <li>- Khái quát hóa, ổn định cao</li> <li>- Chia thành luật công và luật tư</li> </ul>
Thủ tục tố tụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tố tụng tranh tụng</li> <li>- Tòa án được coi là cơ quan làm luật lần thứ hai, sáng tạo ra án lệ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tố tụng thẩm vấn/ tố tụng viết</li> <li>- Chỉ có Nghị viện mới có quyền lập pháp, Tòa án chỉ là cơ quan áp dụng pháp luật</li> </ul>
Vai trò luật sư và thẩm phán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sư, thẩm phán rất được coi trọng</li> <li>- Thẩm phán hầu hết được chọn từ những luật sư danh tiếng, được quyền sáng tạo luật khi xét xử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sư ít được coi trọng</li> <li>- Thẩm phán được đào tạo theo một quy trình riêng, chỉ tiến hành xét xử mà không được sáng tạo luật</li> </ul>

## 4. Hệ thống pháp luật Hồi Giáo

Slides

# CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

### ▼ Khái niệm hệ thống pháp luật

- Là cơ cấu bên trong của pháp luật
  - Thể hiện sự thống nhất nội tại của các quy phạm pháp luật
  - Phân chia một cách khách quan các quy phạm pháp luật trong hệ thống thành:
    - Ngành luật
    - Chế định pháp luật
- Phù hợp tính chất, đặc điểm của các quan hệ xã hội nó điều chỉnh

Hệ thống pháp luật Việt Nam gồm các ngành luật cụ thể:

- Hiến pháp
- Ngành luật thành chính
- Ngành luật dân sự

- Ngành luật hình sự
- Ngành luật lao động
- Ngành luật kinh tế
- Lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ

## 1. Hiến pháp

### ▼ Khái niệm

- Là *đạo luật* cơ bản do cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành
- Quy định việc tổ chức nhà nước, cơ cấu, thẩm quyền các cơ quan nhà nước trung ương và quyền cơ bản của con người
- Mọi cơ quan và tổ chức đều có nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp

### ▼ 5 Hiến pháp của Việt Nam

- 1946 (9/11/1946): 7 chương, 70 điều
- 1959 (HP sửa đổi - 31/12/1959): 10 chương, 112 điều
- 1980 (18/12/1980): 12 chương, 147 điều
- 1992 (14/4/1992 - sửa đổi bổ sung 2001): 12 chương, 147 điều
- 2013 (28/11/2013 - có hiệu lực 1/1/2014): 11 chương, 120 điều

### ▼ Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

- Đối tượng điều chỉnh: Những QHXB quan trọng liên quan đến việc tổ chức quyền lực nhà nước → Xác lập *chế độ chính trị*.
- Phương pháp điều chỉnh: Định nghĩa, bắt buộc, quyền uy

### ▼ Các chế định (4)

#### ▼ Chế độ chính trị

- Là hệ thống những nguyên tắc thực hiện quyền lực của nhà nước
- Là chế định của Hiến pháp, làm nền tảng cho các chương sau của HP (*bản chất nhà nước, sự lãnh đạo của DCS...*)

#### ▼ Chế độ kinh tế

- Những quan hệ kinh tế chủ yếu tạo thành cơ sở kinh tế của nhà nước
- Gồm: chính sách phát triển kinh tế, quan hệ về sở hữu, quan hệ sản xuất, quan hệ về tổ chức quản lý nền KTQD,...

▼ Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- Quyền: trong lĩnh vực chính trị, tự do cá nhân, trong lĩnh vực văn hóa xã hội
- Nghĩa vụ: bảo vệ tổ quốc, đóng thuế, tôn trọng HP và PL

▼ Bộ máy nhà nước; văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ; bảo vệ tổ quốc

## 2. Ngành luật hành chính

▼ Khái niệm

- Là hệ thống các quy phạm PL do nhà nước ban hành
- Điều chỉnh những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan nhà nước/tổ chức xã hội khi nhà nước trao quyền thực hiện các chức năng quản lý nhà nước

▼ Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

- Đối tượng điều chỉnh:
  - Những QHXH mang tính chất chấp hành và điều hành, phát sinh giữa các chủ thể tham gia hoạt động của nhà nước
- Phương pháp điều chỉnh:
  - Mệnh lệnh, phục tùng
  - Có thể sử dụng phương pháp thỏa thuận trong 1 số trường hợp

▼ Các chế định (3)

- Cơ quan hành chính
- Cán bộ công chức
- Vi phạm hành chính

## 3. Ngành luật dân sự

### ▼ Khái niệm

- Là tổng thể quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân nhất định trong xã hội

### ▼ Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

- Đối tượng điều chỉnh:
  - Quan hệ tài sản
  - Quan hệ nhân thân: liên quan tài sản và không liên quan đến tài sản
- Phương pháp điều chỉnh:
  - Bình đẳng, hòa thuận
  - Tự chịu trách nhiệm bằng tài sản

### ▼ Nguồn và hệ thống pháp luật

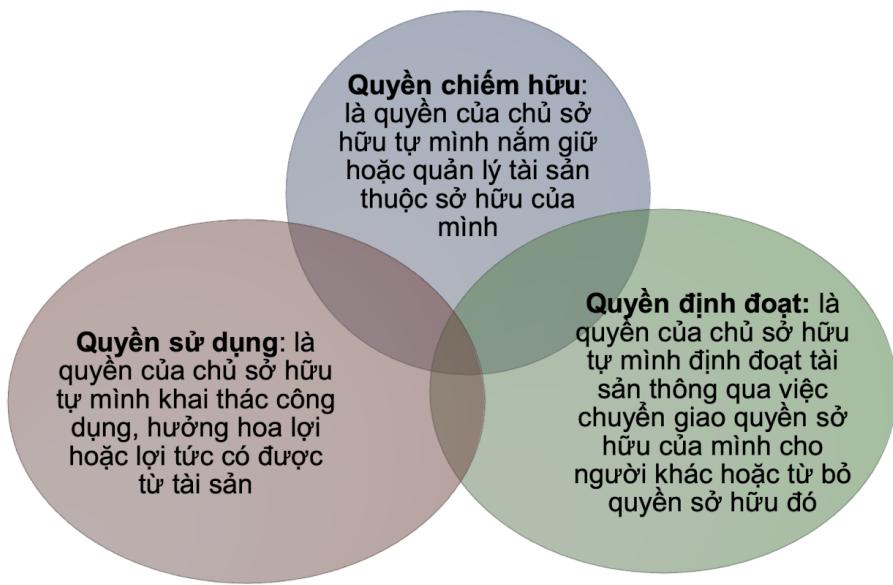
Nguồn	Hệ thống
<ul style="list-style-type: none"><li>• Hiến pháp</li><li>• Bộ luật dân sự</li><li>• Các đạo luật và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan</li><li>• Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</li><li>• Một số tập quán quốc tế</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Phần chung</b> là phần quy định về nhiệm vụ, những nguyên tắc cơ bản của luật dân sự, xác định địa vị pháp lý của các loại chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự và những vấn đề chung nhất của luật dân sự như vấn đề thời hạn, thời hiệu.</li><li>• <b>Phần riêng</b> bao gồm những quy phạm pháp luật được sắp xếp thành các chế định pháp luật điều chỉnh từng mặt, từng lĩnh vực cụ thể của quan hệ pháp luật dân sự.</li></ul>

### ▼ Các chế định

#### ▼ Tài sản và quyền sở hữu

- Tài sản: vật, tiền, giấy tờ có giá, các quyền tài sản
- Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự (*kể cả quyền sở hữu trí tuệ*)
- Phân loại tài sản:

- Bất động sản (đất đai, nhà, công trình, các tài sản gắn liền với nhà, công trình,...)
- Động sản
- Quyền sở hữu là biểu hiện về mặt pháp lý của quan hệ sở hữu
  - Là những quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ sở hữu là cá nhân, pháp nhân hay các chủ thể khác trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản.



## ▼ Hợp đồng

- Là sự thỏa thuận có hiệu lực bắt buộc giữa các bên
- Nhằm xác lập, thay đổi hay chấm dứt quyền, nghĩa vụ
- Điều kiện có hiệu lực
  - Mục đích có hợp pháp không?
  - Các bên có thực sự đồng ý không?
  - Các bên có đủ năng lực để giao kết hợp đồng không?
  - Thỏa thuận có được thể hiện dưới hình thức luật định không?

## ▼ Thùa kế

- Là quan hệ xã hội về việc chuyển giao di sản của người chết cho những người sống

### Người để lại di sản thừa kế

- Người mà sau khi chết có tài sản để lại cho người khác theo trình tự thừa kế

### Di sản thừa kế

- Những tài sản riêng và phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác trong đó bao gồm cả những quyền về tài sản của người chết

### Người thừa kế

- Cá nhân: còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản thừa kế chết
- Tổ chức: tồn tại vào thời điểm mở thừa kế
- Người thừa kế nhận di sản của người chết thì phải thực hiện những nghĩa vụ của người chết để lại

### Thời điểm mở thừa kế

- Thời điểm người có tài sản để lại chết

### Địa điểm mở thừa kế

- - Nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản
- - Hoặc nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản thừa kế nếu ko xác định được nơi cư trú cuối cùng

## ▼ Thùa kế theo di chúc

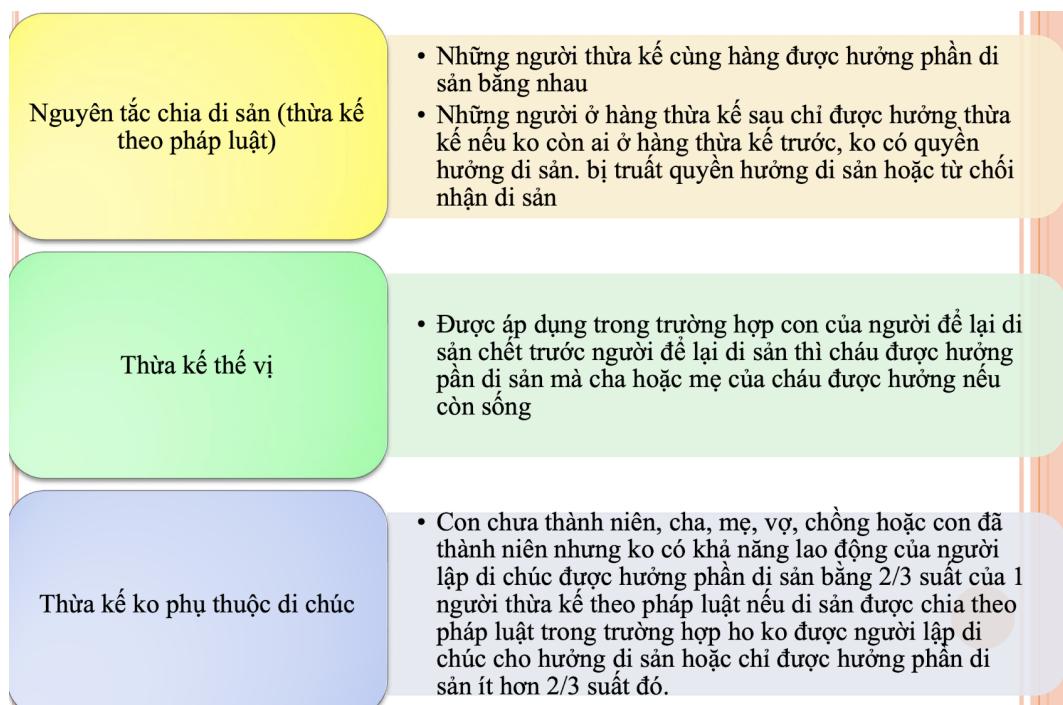
- Di chúc thể hiện ý chí của cá nhân
- Điều kiện di chúc hợp pháp:
  - Người lập
  - Nội dung
  - Hình thức

## ▼ Thùa kế theo pháp luật

- Diện thừa kế: phạm vi những người có quyền hưởng
- Hàng thừa kế: thứ tự được hưởng di sản (3 hàng)

<u>Thùa kế theo di chúc</u>	<u>Thùa kế theo pháp luật</u>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• là việc chuyển di sản của người chết cho người sống bằng chính sự định đoạt của người có di sản theo di chúc được lập ra khi họ còn sống.</li> <li>• <b>Di chúc</b> là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết</li> <li>• Di chúc hợp pháp phải đảm bảo các điều kiện về: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Người lập di chúc</li> <li>• Nội dung di chúc</li> <li>• Hình thức di chúc</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.</li> <li>• Áp dụng trong trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ko có di chúc hoặc di chúc ko có hiệu lực</li> <li>• Người được chỉ định hưởng thừa kế trong di chúc chết trước, bị tước quyền thừa kế hoặc khước từ hưởng thừa kế</li> </ul> </li> <li>• <b>Diện thừa kế</b> là phạm vi những người có quyền hưởng thừa kế xác định theo quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng giữa người thừa kế với người để lại thừa kế.</li> <li>• <b>Hàng thừa kế</b> thể hiện thứ tự được hưởng di sản của những người thừa kế được pháp luật quy định thành 3 hàng. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hàng thứ nhất: vợ, chồng, bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi</li> <li>• Hàng thứ 2: Ông bà nội ngoại, anh chị em ruột, cháu ruột nếu người chết là ông bà nội ngoại</li> <li>• Hàng thứ 3: cụ nội ngoại, bác, chú, cô dì, cậu, cháu ruột, chắt ruột</li> </ul> </li> </ul>

### ▼ Nguyên tắc chia thừa kế



## 4. Ngành luật hình sự

### ▼ Khái niệm

- Là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm
- Đồng thời quy định những hình phạt tương ứng và điều kiện áp dụng hình phạt

### ▼ Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

- Đối tượng: Các quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước - người phạm tội, khi người đó thực hiện hành vi mà nhà nước quy định là tội phạm
- Phương pháp: quyền uy

### ▼ Tội phạm (4 mức)

- Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự
- Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý
- Xâm phạm các quan hệ xã hội được Bộ luật hình sự quy định

<b>Tội phạm ít nghiêm trọng:</b> là tội phạm gây nguy hại ko lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù	<b>Tội phạm Nghiêm trọng:</b> là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 7 năm tù	<b>Tội phạm rất nghiêm trọng:</b> là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 15 năm tù	<b>Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng:</b> là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.
--	--	---	---

### ▼ Hình phạt (2)

- Là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước
- Tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội

**Hình phạt chính:** cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo ko giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình

**Hình phạt bổ sung:** cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi ko áp dụng hình phạt chính; trục xuất, khi ko áp dụng hình phạt chính.

## 5. Ngành luật lao động

### ▼ Khái niệm

- Là một ngành luật độc lập trong hệ thống PL VN
- Bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành
- Điều chỉnh quan hệ lao động giữa người lao động làm công ăn lương với người sử dụng lao động
- Hình thành trên cơ sở hợp đồng lao động và các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp với quan hệ lao động

### ▼ Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

- Đối tượng:
  - Quan hệ lao động
  - Các quan hệ liên quan đến quan hệ lao động
- Phương pháp:
  - Bình đẳng, thỏa thuận
  - Mệnh lệnh
  - Phương pháp tác động của tổ chức công đoàn vào các quan hệ lao động và quan hệ liên quan đến quan hệ lao động

### ▼ Người lao động, người sử dụng lao động

- Người lao động: Quyền và nghĩa vụ (Điều 5 BLLĐ 2019)

- Người sử dụng lao động: Quyền và nghĩa vụ (Điều 6 BLLĐ 2019)
- Tuyển dụng lao động:
  - Tuyển dụng vào biên chế nhà nước
  - Hợp đồng lao động
  - Bầu cử

### ▼ Hợp đồng lao động

- Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động
- Chủ thể trong quan hệ hợp đồng lao động:
  - Với người lao động: ít nhất đủ 15 tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi lao động
  - Với người sử dụng lao động: cá nhân, tổ chức được phép sử dụng lao động theo quy định pháp luật. Ít nhất đủ 18 tuổi và có khả năng thuê mướn, trả công lao động
- Hình thức:
  - Giao kết bằng văn bản: mỗi bên giữ 1 bản
  - Giao kết bằng miệng: công việc tạm thời
- Phân loại hợp đồng lao động:

### Phân loại hợp đồng lao

- Hợp đồng bằng văn bản
  - + Hợp đồng không xác định thời hạn;
  - + Hợp đồng xác định thời hạn từ 3 tháng trở
  - + **Hợp đồng lao động coi giữ tài sản gia đình**
  - + **Hợp đồng lao động làm việc trong các cơ sở dịch vụ xoa bóp, khách sạn, nhà hàng, sân nhảy...với tần cách là vũ nữ, tiếp viên, nhân viên.**
- Hợp đồng miệng
 

Có thời hạn dưới 3 tháng hoặc đối với lao động giúp việc gia đình không phải coi giữ tài sản.
- Hợp đồng bằng hành vi
 

Trong quá trình sử dụng lao động, việc mặc nhiên để người lao động làm việc và trả lương cho họ đồng thời người lao động tự nguyện thực hiện các hành vi lao động chính là hiện tượng của mối quan hệ lao động thực tế.



- Căn cứ vào thời hạn hợp đồng:
  - Không xác định thời hạn
  - Xác định thời hạn
- Căn cứ vào tính kế tiếp của trình tự giao kết hợp đồng:
  - Hợp đồng thử việc
  - Hợp đồng chính thức

## 6. Ngành luật kinh tế

### ▼ Khái niệm

- Là ngành luật độc lập
- Bao gồm tổng hợp các quy phạm pháp luật
- Nhằm điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh
- Trong quá trình tổ chức và quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; và trong quá trình sản xuất kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh với nhau

### ▼ Nội dung

- PL về doanh nghiệp
- PL về hợp đồng
- PL về giải quyết TC
- PL về phá sản, giải thể

### ▼ Đối tượng, phương pháp điều chỉnh

- Nguyên tắc của luật kinh tế:
  - Đảm bảo quyền tự do kinh doanh và quyền tự chủ trong kinh doanh của các chủ thể
  - Bình đẳng trong kinh doanh
- Đối tượng:

- Các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
  - Các quan hệ và các hành vi vì mục đích cạnh tranh trên thương trường
  - Các quan hệ xã hội diễn ra trong quá trình tổ chức và thực hiện các giao dịch kinh tế
  - Các quan hệ xã hội diễn ra trong quá trình giải quyết các tranh chấp kinh tế
  - Nhóm quan hệ quản lý kinh tế
- Phương pháp:
    - Quyền uy
    - Bình đẳng, thỏa thuận

## 7. Lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ

### ▼ Khái niệm

- Tài sản trí tuệ:
  - Trong kinh doanh: bí mật kinh doanh, nhãn hiệu,...
  - Trong KHKT: bí quyết kỹ thuật, sáng chế, phần mềm,...
  - Trong văn học, nghệ thuật: tác phẩm văn học, âm nhạc, ghi âm,...
- Quyền sở hữu trí tuệ gồm: quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

### ▼ Nội dung, hình thức bảo hộ

Nội dung	Bảo hộ
Các sản phẩm	Sáng chế
Quy trình sáng tạo sản phẩm	Giải pháp hữu ích
Kiểu dáng sáng tạo sản phẩm (gồm cả kiểu dáng dệt may)	Kiểu dáng công nghiệp
Các dấu hiệu để phân biệt hàng hóa	Nhãn hiệu
Mạch bán dẫn	Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
Chỉ dẫn hàng hóa có chất lượng hay danh tiếng nhất định gắn với xuất xứ địa lý	Chỉ dẫn địa lý
Thông tin bí mật có giá trị thương mại	Bí mật thương mại
Tác phẩm văn hóa, nghệ thuật và văn học và hình thức thể hiện, kể cả phần mềm máy tính và sưu tập dữ liệu	Quyền tác giả hoặc Quyền liên quan
Tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh	Tên thương mại
Giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển	Giống cây trồng

#### ▼ Các khái niệm

- Sáng chế
- Kiểu dáng công nghiệp
- Nhãn hiệu
- Tên thương mại
- Chỉ dẫn địa lý
- Bí mật kinh doanh
- Quyền tác giả
- Quyền liên quan đến quyền tác giả
- Quyền đối với giống cây trồng
- Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn

- ❖ **SÁNG CHẾ:** Là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.
- ❖ **Kiểu dáng công nghiệp:** Là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.
- ❖ **Nhãn hiệu:** Là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các chủ thể khác nhau.
- ❖ **TÊN THƯƠNG MẠI:** Là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực KD.
- ❖ **CHỈ DẪN ĐỊA LÝ:** Là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.
- ❖ **BÍ MẬT KINH DOANH:** Là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.
- ❖ *Ông nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được.*

❖ **QUYỀN TÁC GIẢ:**

*Là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.*

❖ **QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TÁC GIẢ:**

*Là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.*

❖ **QUYỀN ĐỐI VỚI GIÓNG CÂY TRỒNG**

*Là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.*

❖ **THIẾT KẾ BỘ TRÍ MẠCH TÍCH HỢP BÁN DẪN:**

*Là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn. Các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.*

▼ Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ

Slides

---